

THÔNG TƯ

Quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi là Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước

1. Tên mã Chương quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được sửa đổi như sau:

Chương 152 “Các đơn vị kinh tế liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài” được sửa thành “Các đơn vị có vốn nước ngoài từ 51% đến dưới 100% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân người nước ngoài đối với công ty hợp danh”.

Chương 158 “Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của nhà nước” được sửa thành “Các đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ”.

Chương 176 “Các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên” được sửa thành “Các đơn vị có vốn nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (không thuộc các cơ quan chủ quản, các Chương Tập đoàn, Tổng công ty)”.

Chương 552 “Các đơn vị kinh tế liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài” được sửa thành “Các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài từ 51% đến dưới 100%

vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân người nước ngoài đối với công ty hợp danh”.

Chương 558 “Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của nhà nước” được sửa thành “Các đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ”.

Chương 564 “Các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên” được sửa thành “Các đơn vị có vốn nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (không thuộc các cơ quan chủ quản, các Chương Tập đoàn, Tổng công ty)”.

Chương 758 “Kinh tế hỗn hợp có vốn tham gia của Nhà nước” được sửa thành “Các đơn vị kinh tế hỗn hợp có vốn Nhà nước trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ”.

2. Mã Chương quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được bổ sung như sau:

Chương 159 Các đơn vị có vốn nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

Chương 551 Các đơn vị có 100% vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Chương 559 Các đơn vị có vốn nhà nước từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

3. Tên mã Mục quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được sửa đổi như sau:

Mục 2100 “Phí xăng dầu” được sửa thành “Phí trong lĩnh vực khác”.

Mục 2200 “Phí thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng” được sửa thành “Phí thuộc lĩnh vực ngoại giao”.

Mục 2500 “Phí thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo” được sửa thành “Phí thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ”.

4. Hủy bỏ mã Tiểu mục quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC, như sau:

a) *Tiểu mục của mục 2100 Phí xăng dầu.*

Tiểu mục 2101 Phí xăng các loại.

Tiểu mục 2102 Phí dầu diesel.

Tiểu mục 2103 Phí dầu hỏa.

Tiểu mục 2104 Phí dầu ma dút.

Tiểu mục 2105 Phí dầu mỡ nhờn.

b) Tiểu mục của mục 2200 Phí thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng.

Tiểu mục 2201: Phí kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa.

Tiểu mục 2202 Phí thử nghiệm chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên vật liệu.

Tiểu mục 2203 Phí xây dựng.

Tiểu mục 2204 Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính.

Tiểu mục 2205 Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất.

c) Tiểu mục của mục 2500 Phí thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Tiểu mục 2501: Học phí (không bao gồm học phí giáo dục không chính quy).

Tiểu mục 2502 Phí sát hạch đủ điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy phép hành nghề.

Tiểu mục 2503 Phí dự thi, dự tuyển.

d) Tiểu mục của mục 4900 Các khoản thu khác

Tiểu mục 4911: Tiền chậm nộp do ngành thuế quản lý.

Tiểu mục 4912: Tiền chậm nộp do ngành hải quan quản lý.

5. Tên mã Tiểu mục quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được sửa đổi như sau:

a) Tiểu mục của mục 1250 Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Tiểu mục 1251 “Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản” được sửa thành “Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với Giấy phép do cơ quan trung ương cấp phép”.

b) Tiểu mục của mục 2800 Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản

Tiểu mục 2802 “Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy” được sửa thành “Lệ phí trước bạ ô tô”

c) Tiểu mục của mục 3600 Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước

Tiểu mục 3601 “Thu tiền thuê mặt đất” được sửa thành “Tiền thuê mặt đất hàng năm”

Tiểu mục 3602 “Thu tiền thuê mặt nước” được sửa thành “Tiền thuê mặt nước hàng năm”

d) Tiêu mục của mục 4250 Thu tiền phạt

Tiêu mục 4253 “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế do ngành hải quan thực hiện”, được sửa thành “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan hải quan”

Tiêu mục 4254 “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế do ngành Thuế thực hiện không gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật Thuế thu nhập cá nhân”, được sửa thành “Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền ra quyết định của cơ quan thuế (không bao gồm phạt vi phạm hành chính đối với Luật thuế thu nhập cá nhân)”.

6. Bổ sung mã Tiêu mục quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC (Phụ lục kèm theo).

7. Mã số Chương trình mục tiêu quốc gia được quy định tại Phụ lục số 04, ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi mã Chương trình mục tiêu quốc gia quy định tại Phụ lục số 04, ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC, như sau:

Mã số 0010 “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững” thành “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020”.

Mã số 0390 “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới” thành “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”.

b) Bổ sung mã theo dõi chi tiết các Dự án thuộc mã 0010 - Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

Mã Dự án 0022 Chương trình 30a.

Mã Dự án 0023 Chương trình 135.

Mã Dự án 0024 Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Mã Dự án 0025 Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

Mã Dự án 0026 Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

c) Bổ sung mã theo dõi chi tiết các Dự án thuộc mã 0390 - Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

Mã dự án 0392 Quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Mã dự án 0393 Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

Mã dự án 0394 Các nội dung về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã phục vụ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân.

Mã dự án 0395 Các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập người dân.

Mã dự án 0396 Giảm nghèo và an sinh xã hội.

Mã dự án 0397 Phát triển giáo dục ở nông thôn.

Mã dự án 0398 Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

Mã dự án 0401 Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.

Mã dự án 0402 Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.

Mã dự án 0403 Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

Mã dự án 0404 Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

Mã dự án 0405 Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới.

8. Mã Chương trình mục tiêu ban hành theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo một mã chi tiết là “Dự án, mục tiêu khác” quy định tại Phụ lục số 04, ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC được bổ sung để hạch toán kinh phí được giao trong khi chờ cấp thẩm quyền quyết định các dự án chi tiết, cụ thể, như sau:

a) Mã Chương trình mục tiêu 0610 Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững. Mã chi tiết:

Dự án 0619 Dự án, mục tiêu khác.

b) Mã Chương trình mục tiêu 0620 Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững. Mã chi tiết:

Dự án 0629 Dự án, mục tiêu khác.

c) Mã Chương trình mục tiêu 0630 Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư. Mã chi tiết:

Dự án 0639 Dự án, mục tiêu khác.

d) Mã Chương trình mục tiêu 0640 Chương trình mục tiêu y tế - dân số. Mã chi tiết:

Dự án 0649 Dự án, mục tiêu khác.

đ) Mã Chương trình mục tiêu 0650 Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương. Mã chi tiết:

Dự án 0659 Dự án, mục tiêu khác.

e) Mã Chương trình mục tiêu 0660 Chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy. Mã chi tiết:

Dự án 0669 Dự án, mục tiêu khác.

g) Mã Chương trình mục tiêu 0670 Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (gọi tắt là CNQP-06/BCT). Mã chi tiết:

Dự án 0679 Dự án, mục tiêu khác

h) Mã Chương trình mục tiêu 0680 Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm. Mã chi tiết:

Dự án 0689 Dự án, mục tiêu khác

i) Mã Chương trình mục tiêu 0690 Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn. Mã chi tiết:

Dự án 0699 Dự án, mục tiêu khác

k) Mã Chương trình mục tiêu 0700 Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động. Mã chi tiết:

Dự án 0709 Dự án, mục tiêu khác

l) Mã Chương trình mục tiêu 0710 Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội. Mã chi tiết:

Dự án 0719 Dự án, mục tiêu khác

m) Mã Chương trình mục tiêu 0720 Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa. Mã chi tiết:

Dự án 0729 Dự án, mục tiêu khác

n) Mã Chương trình mục tiêu 0730 Chương trình mục tiêu xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối tượng công ích. Mã chi tiết:

Dự án 0739 Dự án, mục tiêu khác

o) Mã Chương trình mục tiêu 0740 Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Mã chi tiết:

Dự án 0749 Dự án, mục tiêu khác

p) Mã Chương trình mục tiêu 0750 Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng. Mã chi tiết:

Dự án 0759 Dự án, mục tiêu khác

q) Mã Chương trình mục tiêu 0760 Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương. Mã chi tiết:

Dự án 0769 Dự án, mục tiêu khác

r) Mã Chương trình mục tiêu 0770 Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo. Mã chi tiết:

Dự án 0779 Dự án, mục tiêu khác

s) Mã Chương trình mục tiêu 0780 Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mã chi tiết:

Dự án 0789 Dự án, mục tiêu khác

t) Mã Chương trình mục tiêu 0790 Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch. Mã chi tiết:

Dự án 0799 Dự án, mục tiêu khác.

u) Mã Chương trình mục tiêu 0800 Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin. Mã chi tiết:

Dự án 0809 Dự án, mục tiêu khác

v) Mã Chương trình mục tiêu 0810 Chương trình mục tiêu Biển đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020. Mã chi tiết:

Dự án 0819 Dự án, mục tiêu khác

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện theo quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và được áp dụng từ năm ngân sách 2017. Riêng đối với mã “Dự án 0025 Truyền thông và giảm nghèo về thông tin” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia “Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020” áp dụng từ năm ngân sách 2016./. *Th*

Nơi nhận: *rah*

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (420 bản).



Trần Xuân Hà